

Số: /QĐ-UBND

Hoàng Đức, ngày tháng 01 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt báo cáo kinh tế kỹ thuật xây dựng
Công trình: Đường giao thông nông thôn thôn Nội Tý, xã Hoàng Đức, huyện
Hoàng Hóa, tỉnh Thanh Hóa**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ HOÀNG ĐỨC

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18/6/2014; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17/6/2020;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công; Nghị định số 10/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021 về quản lý chi phí đầu tư xây dựng; Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng; Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 về Quản lý dự án đầu tư xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 2215/QĐ/UBND ngày 15/6/2020 của UBND tỉnh Thanh Hóa về việc công bố đơn giá nhân công trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa; Công văn số 7375/SXD-KTXD ngày 08/10/2021 của Sở Xây dựng Thanh Hóa về việc Triển khai thực hiện các Thông tư của Bộ Xây dựng liên quan đến quản lý chi phí đầu tư xây dựng theo quy định tại Nghị định 10/2021/NĐ-CP;

Căn cứ Quyết định số 3505/2016/QĐ-UBND ngày 13/9/2016 của UBND tỉnh Thanh Hóa về ban hành quy định phân công, phân cấp thẩm định dự án, thiết kế cơ sở và thiết kế, dự toán xây dựng công trình trên địa bàn tỉnh;

Căn cứ Nghị quyết số 17a/NQ-HĐND ngày 28/09/2020 của HĐND xã Hoàng Đức về việc quyết định Chủ trương đầu tư dự án: Đường giao thông nông thôn thôn Nội Tý, xã Hoàng Đức, huyện Hoàng Hóa, tỉnh Thanh Hóa;

Xét kết quả thẩm định của Phòng Kinh tế và Hạ tầng tại Báo cáo số /TB-TĐ ngày 05 tháng 01 năm 2022 và đề nghị của công chức địa chính - xây dựng.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt báo cáo kinh tế kỹ thuật đầu tư xây dựng công trình Đường giao thông nông thôn thôn Nội Tý, xã Hoàng Đức, huyện Hoàng Hóa, tỉnh Thanh Hóa với các nội dung chủ yếu sau:

1. Tên công trình: Đường giao thông nông thôn thôn Nội Tý, xã Hoàng Đức, huyện Hoàng Hóa, tỉnh Thanh Hóa.

2. Loại, cấp công trình: Công trình giao thông, cấp IV.

3. Cấp Quyết định đầu tư: Hội đồng nhân dân xã Hoàng Đức

4. Chủ đầu tư: UBND xã Hoàng Đức

5. Đơn vị tư vấn thiết kế: Công ty TNHH xây dựng và thương mại Kim Ngân Phát

6. Đơn vị thẩm định: Phòng Kinh tế và Hạ tầng huyện Hoàng Hóa.

7. Hình thức quản lý đầu tư: Chủ đầu tư trực tiếp quản lý.

8. Nội dung và quy mô đầu tư xây dựng.

* *Quy mô đầu tư:*

- Đầu tuyến: Đê hữu sông Tào (cổng làng Nội Tý)

- Cuối tuyến: Đê hữu sông Tào.

- Chiều dài tuyến: $L = 438,79$ m

- Bề rộng mặt đường cũ: $B = 3,23 \sim 15,42$ m; bám theo mặt đường hiện trạng

- Bề rộng mặt đường mở rộng: $B = 0,26 \sim 2,95$ m

- Cấp kỹ thuật: Đường giao thông nông thôn cấp C;

* *Giải pháp thiết kế*

Phần đường

a) *Bình đồ tuyến:*

* Nguyên tắc thiết kế:

- Tận dụng tối đa đường cũ và các công trình hiện có trên tuyến, những đoạn tuyến mở rộng đảm bảo tiêu chuẩn kỹ thuật của cấp đường.

- Tuyến ổn định trong quá trình khai thác.

* Hướng tuyến: Hướng tuyến theo tuyến đường hiện trạng.

b) *Trắc dọc tuyến:* Trắc dọc tuyến thiết kế trên cơ sở mặt đường hiện trạng, phù hợp với các điểm khống chế (cao độ quy hoạch chung khu vực, các điểm giao với đường hiện trạng, mực nước thủy văn), tính toán kết cấu áo đường trên mặt đường cũ, đảm bảo các tiêu chuẩn kỹ thuật. Cao độ điểm đầu tuyến thiết kế +7,13m, điểm cuối tuyến +7,17m.

c) *Trắc ngang tuyến:*

* *Kết cấu trên nền đường cũ ở các đoạn:* Từ cọc Km0+2.43 đến Km0+113, từ Km0+172.06 đến Km0+214.10 và từ Km0+285.16 đến Km0+436.31

- Rải thảm bê tông nhựa hạt mịn, dày 4cm

- Bù vênh bằng bê tông nhựa hạt mịn

- Tưới lớp bám dính, nhựa pha dầu, lượng nhựa 1kg/m²
- Nền bê tông hiện trạng
- * *Kết cấu trên nền đường cũ ở các đoạn: từ Km0+113 đến Km0+146.83*
- Rải thảm bê tông nhựa hạt mịn, dày 4cm
- Bù vênh bằng bê tông M200 đá 1x2
- Tưới lớp bám dính, nhựa pha dầu, lượng nhựa 1kg/m²
- Nền bê tông hiện trạng
- * *Kết cấu nền đường mở rộng: từ Km0+146.83 đến Km0+172.06 và từ Km0+214.10 đến Km0+285.16*
- Rải thảm bê tông nhựa hạt mịn, dày 4cm
- Tưới lớp bám dính, nhựa pha dầu, lượng nhựa 1kg/m²
- Bê tông M200 đá 1x2, dày 15cm
- Cấp phối đá dăm loại 2, dày 12cm
- Đập nền đường đạt độ chặt K = 0,95
- * *Phân đường*
- Phạm vi làm tường chắn, từ bậc lên xuống đến điểm kết nối với kè đá: L = 36,0m
- Chiều sâu vết bùn là 30cm. Làm đê quai bằng cọc tre, phen nứa L = 45,0 m.
- Kết cấu tường chắn như sau:
 - + Gia cố móng bằng cọc tre L=2,5m, mật độ 25 cọc/m²;
 - + Đập cát phủ đầu cọc tre, dày 10cm
 - + Bê tông lót móng đá 1x2 M100, dày 10cm;
 - + Tường chắn xây gạch bê tông VXM M75;
 - + Trát VXM M75, dày 1,5cm;
 - + Khe lún, 2 lớp giấy dầu tấm nhựa đường. Cứ 10m/khe.
- * *Di dời cột điện*
- Phá bỏ 2 cột điện cũ nằm trong phạm vi đường;
- Lắp dựng 02 cột LT 8,5 NPC 3,0 ngọn 190 x góc 303;
- Di dời đường điện hạ thế 0,4Kv (Tận dụng dây hiện trạng)

9. Tổng mức đầu tư: 948.324.000đồng

(Bằng chữ: Chín trăm bốn mươi tám triệu, ba trăm hai mươi tư nghìn đồng./.)

Trong đó:

+ Chi phí xây dựng.	246.480.000 đồng;
+ Chi phí QL dự án:	22.133.000 đồng;
+ Chi phí TV ĐTXD:	85.536.000 đồng;
+ Chi phí khác:	7.917.000 đồng;

+ Dự phòng:

27.621.000 đồng.

10. Nguồn vốn đầu tư: Từ nguồn đấu giá quyền sử dụng đất ở tại mặt bằng khu dân cư nông thôn số 25/MBQH-UBND ngày 08/06/2020 tại thôn Bái Chén, xã Hoàng Đức, huyện Hoàng Hóa.

11. Thời gian thực hiện dự án: Năm 2022

Điều 2. Ủy ban nhân dân xã Hoàng Đức tổ chức triển khai thực hiện xây dựng công trình theo đúng Luật xây dựng hiện hành;

Điều 3. Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký.

Các Ông (bà) Trưởng ban quản lý dự án, Chủ tịch UBND xã Hoàng Đức, Văn phòng, Tư pháp, Địa chính xây dựng, kế toán và các tổ chức, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH

Nguyễn Đình Bằng

BẢNG TỔNG HỢP TỔNG MỨC ĐẦU TƯ XÂY DỰNG

CÔNG TRÌNH: ĐƯỜNG GIAO THÔNG NÔNG THÔN THÔN NỘI TÝ, XÃ HOÀNG ĐỨC, HUYỆN HOÀNG HÓA, TỈNH THANH HÓA

(Kèm theo quyết định số: /QĐ-UBND ngày / /2022 của Chủ tịch UBND xã Hoàng Đức)

Đơn vị tính: đồng

STT	NỘI DUNG CHI PHÍ	Tỷ lệ %	Hệ số	CÁCH TÍNH	GIÁ TRỊ TRƯỚC THUẾ	THUẾ GTGT	GIÁ TRỊ SAU THUẾ	KÝ HIỆU
1	Chi phí xây dựng				731.924.562	73.192.456	805.117.000	Gxd
1.1	Chi phí xây dựng công trình chính				731.924.562	73.192.456	805.117.000	
1.1.1	NỀN, MẶT ĐƯỜNG, TƯỜNG CHẮN		1	Theo bảng tổng hợp dự toán hạng mục	731.924.562	73.192.456	805.117.018	
2	Chi phí quản lý dự án	3,024%		Gxd trước thuế x tỷ lệ	22.133.399		22.133.000	Gqlđa
3	Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng				77.760.373	7.776.037	85.536.000	Gtv
3.1	Chi phí khảo sát địa hình				11.260.444	1.126.044	12.386.488	
3.2	Chi phí lập báo cáo kinh tế - kỹ thuật (Thông tư 12/2021/TT-BXD)	5,4%		Gxd trước thuế x tỷ lệ	39.523.926	3.952.393	43.476.319	
3.3	Chi phí lập hồ sơ mời thầu, đánh giá hồ sơ dự thầu thi công xây dựng (Thông tư 12/2021/TT-BXD)	0,346%		Dự toán gói thầu trước thuế x tỷ lệ	2.532.459	253.246	2.785.705	
3.4	Chi phí giám sát thi công xây dựng (Thông tư 12/2021/TT-BXD)	3,203%		Dự toán gói thầu XD trước thuế x tỷ lệ	23.443.544	2.344.354	25.787.898	
3.5	Chi phí thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu (Nghị định 63/2014/NĐ-CP)	0,05%		Dự toán gói thầu trước thuế x tỷ lệ	1.000.000	100.000	1.100.000	
4	Chi phí khác				7.682.452	234.435	7.917.000	Gk
4.1	Phí thẩm định dự án đầu tư xây dựng (Thông tư 209/2016/TT-BTC)	0,019%	0,5	Tổng mức đầu tư x tỷ lệ	90.091		90.091	
4.2	Chi phí thẩm tra, phê duyệt quyết toán (Thông tư 10/2020/TT-BTC)	0,57%	1	TMĐT sau loại trừ chi phí dự phòng x tỷ lệ	5.248.007		5.248.007	
4.3	Chi phí kiểm tra công tác nghiệm thu công trình xây dựng (Thông tư 10/2021/TT-BXD)	10%		Chi phí giám sát thi công xây dựng x tỷ lệ	2.344.354	234.435	2.578.789	
5	Chi phí dự phòng						27.621.000	Gdp

6

5.1	Dự phòng cho yếu tố khối lượng phát sinh	3%	(Gxd+Gqlđa+Gtv+Gk) sau thuế x tỷ lệ			27.621.090	
	Tổng cộng			839.500.786	81.202.928	948.324.000	Gxdct
	Làm tròn					948.324.000	
<i>Bảng chữ: Chín trăm bốn mươi tám triệu ba trăm hai mươi bốn nghìn đồng./.</i>							